TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày 25/5/2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn

Ông Nguyễn Hữu Tiến

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thư ký Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 355/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh DST; nơi cư trú: Tổ 44 Khu 12 phường A, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị NTK; nơi cư trú: Số 120-122 tổ C, phường D, quận E, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 21 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn là anh DST trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh DST và chị NTK xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận E, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 26 tháng 4 năm 2017. Quá trình chung sống, do vợ chồng sống cùng với gia đình chị NTK nên phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống, gia đình chị NTK can thiệp nhiều vào cuộc sống chung của vợ chồng. Từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay, anh DST và chị NTK đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai về tình cảm và kinh tế. Nay, anh DST xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên anh DST đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị NTK để ổn định cuộc sống của cả hai.

Về việc nuôi con: Anh DST và chị NTK có một con chung F, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2017. Ly hôn, anh DST đồng ý giao con chung cho chị NTK trực tiếp nuôi, anh DST tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng.

Về việc chia tài sản: Anh DST xác nhận anh DST và chị NTK không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn là chị NTK trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị NTK và anh DST kết hôn trên cở sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày ngày 26 tháng 4 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường D, quận E, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh DST không chung thủy, đã chung sống với người phụ nữ khác tại Bắc Ninh và đã có con riêng. Mâu thuẫn căng thẳng nên chị NTK và anh DST đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay. Tuy nhiên, chị NTK cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn vì chị NTK vẫn còn tình cảm với anh DST. Vì vậy, chị NTK đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Trường hợp anh DST kiên quyết xin ly hôn, chị NTK vẫn giữ quan điểm không đồng ý ly hôn với anh DST.

Về việc nuôi con: Chị NTK xác nhận chị NTK và anh DST có một con chung F, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2017, hiện con chung ở cùng chị NTK từ khi vợ chồng sống ly thân. Trường hợp nếu ly hôn, chị NTK có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nhưng, do chị NTK không đồng ý ly hôn nên chị NTK không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về việc chia tài sản: Chị NTK xác nhận chị NTK và anh DST không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì đang tạm trú tại nơi có dịch bệnh Covid và địa phương hiện đang bị giãn cách toàn tỉnh. Tuy nhiên tại đơn đề nghị trên, anh DST có thể hiện quan điểm: Giữ nguyên ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xử cho anh DST được ly hôn chị NTK; anh DST đồng ý giao con chung F cho chị NTK nuôi dưỡng và tự nguyện góp tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng, bắt đầu từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị NTK giữ quan điểm như quá trình giải quyết vụ án: Chị NTK không đồng ý ly hôn với nguyên đơn là anh DST; xác nhận mặc dù anh DST không chung thủy, nhưng chị vẫn còn tình cảm với anh DST và mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, chị NTK không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trường hợp nếu ly hôn, chị NTK có nguyện vọng được nuôi con chung F và không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con. Chị và anh DST không có tài sản chung, chị NTK không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự: Không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án về việc thể hiện ý kiến của gia đình bị đơn đối với tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn giữa bị đơn và nguyên đơn; vắng mặt lần thứ nhất tại phiên tòa không có lý do.

Quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho anh DST được ly hôn chị NTK; giao con chung F cho chị NTK nuôi; chấp nhận sự tự nguyện về việc anh DST có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; các bên không yêu cầu giải quyết về tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; anh DST phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1] Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn; bị đơn là chị NTK hiện cư trú tại số nhà 120-122 tổ C, phường D, quận E, thành phố Hải Phòng. Do đó, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của nguyên đơn:

[2] Anh DST vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, có lý do. Chị NTK đề nghị hoãn phiên tòa để triệu tập anh DST. Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn vì đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Xét, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa đều có lý do, nên không có cơ sở để xem xét đề

nghị của bị đơn. Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[2] Anh DST và chị NTK kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn của anh DST và chị NTK qua các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập là đúng với thực tế. Hiện tại, anh chị đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai về tình cảm và độc lập về kinh tế. Hội đồng xét xử xét: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh DST và chị NTK phát sinh do hai bên bất đồng trong quan điểm, lối sống. Anh DST kiên quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm. Chị NTK không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp để vợ chồng đoàn tụ, cùng chung sống, nuôi dạy con chung. Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình mà ở đó vợ chồng phải chung sống hạnh phúc, biết yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt; phải được xây dựng trên nền tảng tình cảm, sự nỗ lực từ hai phía của cả vợ và chồng. Trên thực tế, quan hệ hôn nhân của anh DST và chị NTK đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh DST theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về việc nuôi con:

[3] Anh DST và chị NTK có một con chung F, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2017, hiện đang sống cùng chị NTK. Hội đồng xét xử xét ý kiến của nguyên đơn và nguyện vọng của bị đơn đề nghị được trực tiếp nuôi con F khi ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế, nên căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình cần giao con chung F, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2017 cho chị NTK trực tiếp nuôi cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:

[4] Chị NTK không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, anh DST tự nguyện đóng góp tiền nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng cho chị NTK kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Xét việc tự nguyện trên của anh DST là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh DST và chị NTK tự giao nhận khoản tiền cấp dưỡng nói trên, anh DST không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

+ Về việc chia tài sản:

[5] Anh DST và chị NTK đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

+ Về án phí:

[6] Anh DST phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh DST.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh DST được ly hôn với chị NTK.

2. Về việc nuôi con: Anh DST và chị NTK có một con chung F, sinh ngày 04 tháng 10 năm 2017. Giao con chung F cho chị NTK trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận sự tự nguyện của anh DST về việc anh DST có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con F cho chị NTK là 2.000.000đồng/tháng (hai triệu đồng/tháng), kể từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh DST và chị NTK tự giao nhận khoản tiền cấp dưỡng trên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc chia tài sản: Anh DST và chị NTK đều xác nhận không có tài sản chung, không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh DST phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010135 ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Anh DST còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Đương sự;
- UBND P. D, E, Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hải Yến